

MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA HÀ NỘI QUA TƯ LIỆU ĐỊA BẠ

PHAN PHƯƠNG THẢO*

Thăng Long - Hà Nội là một trong những đô thị ra đời sớm và tồn tại lâu dài nhất trong lịch sử Việt Nam. Những nét văn hóa cổ truyền, dấu ấn của Hà Nội nghìn xưa hiện đang dần bị mai một, nếu không được nghiên cứu, tu bổ và gìn giữ. Trên cơ sở khai thác nguồn tư liệu tương đối mới mẻ về lịch sử Thăng Long - Hà Nội là địa bạ đầu thế kỷ XIX, chúng tôi muốn xác định một cách cụ thể hơn về vị trí, diện tích, giáp giới... của một số công trình văn hóa - lịch sử, qua đó góp phần

1. Văn Miếu

Văn Miếu là nơi thờ Khổng Tử - vị tổ sư của Nho giáo ở Trung Quốc. Theo sách *Đại Nam nhất thống chí*, Văn Miếu "Ở thôn Minh Giám, huyện Thọ Xương, phía tây nam tỉnh thành, dựng từ đời Lý Thánh Tông" (1). Văn Miếu được dựng tháng 8 năm Canh Tuất, niên hiệu Thần Vũ thứ 2 (1070). Đến năm Thái Ninh thứ 5 (1076) đời vua Lý Nhân Tông chọn những người biết chữ trong sổ quan văn tại triều cho vào

TT	Công trình	Phường, thôn	Tổng	Huyện
1	Văn Miếu	Minh Giám	Yên Hòa	Thọ Xương
2	Trường Thi	Bích Lưu	Vĩnh Xương	Thọ Xương
3	Bảo Tuyền Cục	Cự Lâu	Đông Thọ	Thọ Xương
4	Đàn Nam Giao	Thịnh yên	Kim Hoa	Thọ Xương
5	Đàn Xã Tắc thời Lý	Thịnh Hào	Hạ Yên Thành	Vĩnh Thuận
	Đàn Xã Tắc thời Nguyễn	Khán Xuân		Vĩnh Thuận

làm cơ sở cho việc nghiên cứu, bảo tồn, tôn tạo những di sản của Hà Nội nói riêng, cả nước nói chung.

Bài viết chỉ giới hạn xác định 5 công trình văn hóa cổ của Hà Nội có tư liệu trong địa bạ cổ Hà Nội (xem địa danh ở bảng trên).

dự học tại nhà học ở phía sau chính điện mà trước kia chỉ dành cho Thái tử Lý Càn Đức học tập. Và cũng từ đó nhà học này được gọi là Quốc Tử Giám (2). Nơi đây chính là trường đại học đầu tiên của nước ta có nhiệm vụ đào tạo các trí thức cao cấp cho đất nước.

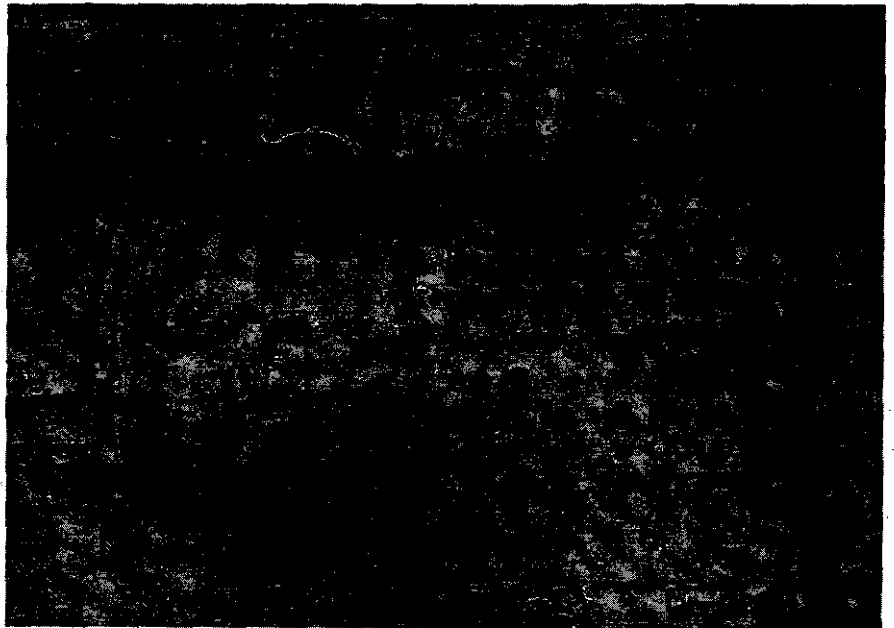
* TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN.

Trải qua các biến động của thời gian cùng lịch sử, tổng thể Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã được tu sửa nhiều lần và cũng có nhiều thay đổi. Lúc đầu, Văn Miếu được xây để thờ Khổng Tử và Chu Công ở chính điện, thờ Thất thập nhị hiền (72 học trò giỏi của Khổng Tử), bốn mùa có các quan đến tế lễ. Sau khi thêm Quốc Tử Giám, đến đời vua Trần Nghệ Tông đã ban sắc chỉ cho thờ phụ ở Văn Miếu thêm Chu Văn An là một trong số những học quan đứng đầu Quốc Tử Giám đời Trần.

Tháng 8 năm Giáp Thìn niên hiệu Hồng Đức thứ 15 (1484) vua Lê Thánh Tông sai dựng bia cho tất cả những người thi đỗ Tiến sĩ ở Văn Miếu từ khoa thi Hội đầu tiên của triều Lê sơ năm Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ 3 (1442). Đến ngày 15 tháng 8 năm đó, làm lễ dựng những bia Tiến sĩ ở Văn Miếu (3). Các triều đại sau từ nhà Mạc đến Lê Trung hưng tiếp tục soạn và dựng bia tiến sĩ sau mỗi kỳ thi Hội. Theo những bia Tiến sĩ còn bảo tồn tại Văn Miếu, từ năm 1442 đến năm 1779 đã có 1.307 Tiến sĩ được ghi danh trên 82 bia (mỗi bia dành cho một khoa thi) dựng ở hai dãy nhà bia Tả bì đình và Hữu bì đình (4).

Đời Nguyễn, khi vua Gia Long chuyển kinh đô vào Phú Xuân (Huế) thì Văn Miếu ở Thăng Long gọi là Văn Miếu Bắc Thành (phân biệt với Văn Thánh Miếu ở Huế), nhà Quốc Tử Giám xưa đổi làm đền Khải Thánh. Suốt thời gian từ khi xây dựng cho đến đầu đời Nguyễn, Văn Miếu đã qua nhiều lần trùng tu song vị trí của Chính điện và nhà Thái học (tức Quốc Tử Giám) vẫn như khi khởi dựng thời Lý, tuy qui mô các công trình kiến trúc được mở rộng thêm nhiều. Đã có thêm điện Đại Thành, hai nhà Giải vũ Đông và Tây, điện Canh Phục, nhà bếp, kho tế khí... Đầu đời Gia Long còn cho dựng thêm Khuê Văn Các ở trong nghi môn, dựng lại hai nhà bia ở phía Đông và Tây để che cho 82 tấm bia Tiến sĩ khỏi bị mưa nắng bào mòn.

Suốt thời kỳ Pháp chiếm đóng Hà Nội, Văn Miếu - Quốc Tử Giám không được tu sửa gì. Sau khi tiếp quản thủ đô, các cơ quan chủ quản ngành văn hóa Hà Nội có

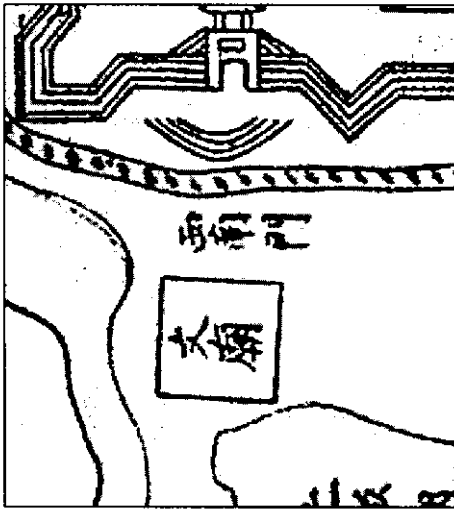


Quốc Tử Giám trong Bản đồ Hồng Đức (A. 2499, Viện Nghiên cứu Hán Nôm)

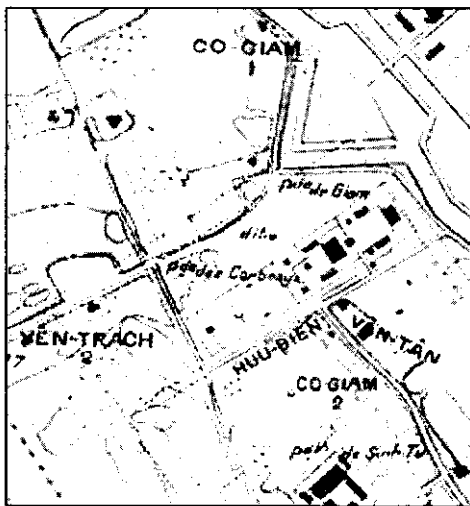
biện pháp tu bổ, giữ gìn khu di tích này và đã xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp nhà nước vào năm 1962. Hiện nay, khu vực Văn Miếu - Quốc Tử Giám là một di tích lịch sử - văn hóa lớn của Hà Nội nằm ở khu vực trung tâm thủ đô, giữa những con đường Nguyễn Thái Học, Tôn Đức Thắng, Văn Miếu, Quốc Tử Giám, thuộc quận Đống Đa, trải dài trên một khu đất

theo hướng Bắc - Nam là 350m (không tính Hồ Văn), bề ngang một cạnh là 61m, cạnh kia là 75m, xung quanh có tường bao. Khu di tích này có diện tích là 23.800m².

Trong sưu tập địa bạ cổ Hà Nội còn lưu giữ được có địa bạ thôn Minh Giám thuộc tổng Yên Hòa, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội, lập năm Minh Mệnh thứ 18 (1837). Địa bạ thôn Minh Giám cho biết Văn Miếu nằm trong địa phận thôn này, với diện tích là 7 mẫu, 5 sào, 05 thước, 9 tấc, tương đương 27.120m² (5). Ngoài ra, cũng thuộc địa phận thôn Minh Giám còn có hai hồ là hồ xứ Cổ Giám (3 sào) và hồ trước cửa xứ Minh Triết (xứ Quốc Tử Giám) (3 mẫu) là những nơi thu lợi làm hương đăng phụng thờ Văn Miếu (6).



Văn Miếu (Đồng Khánh)



Văn Miếu (Hà Nội 1890)

Theo bản đồ huyện Thọ Xương trong *Đồng Khánh địa dư chí lược* thì vào thời Đồng Khánh (1886 - 1888), Văn Miếu xưa nằm giữa hai thôn Cổ Giám và Văn Chương (hay còn gọi là Văn Hương), bên tả là khu Học xá (xưa cũng thuộc phạm vi Quốc Tử Giám) chứ không phải thuộc địa phận hai thôn Cổ Giám và Văn Chương như một số sách đã dẫn (7). Trong địa bạ thôn Minh Giám còn ghi rất rõ là thôn Minh Giám phía Bắc giáp thôn Cổ Giám và đường nhỏ, đối diện đất Văn Miếu (8). Cũng những thông tin địa bạ cho thấy Văn Miếu thuộc thôn Minh Giám, tuy nhiên có giáp giới thôn Cổ Giám (phía Đông và Tây thôn Cổ Giám đều ghi là giáp với chân thành Văn Miếu) (9).

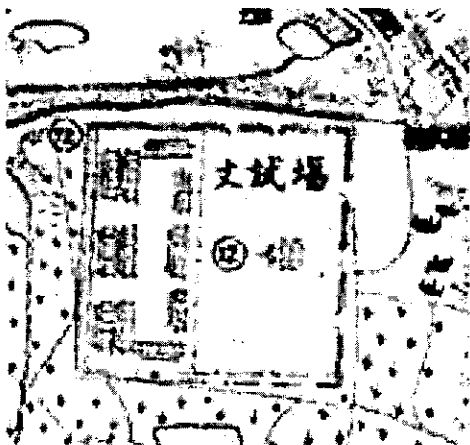
Địa bạ thôn Văn Chương (tổng Yên Hòa, huyện Thọ Xương) không ghi thông tin nào về khu đất Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

Như vậy, khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám hiện nay hầu như không có thay đổi gì đáng kể về mặt kiến trúc so với khoảng thời gian giữa thế kỷ XIX song về mặt diện tích thì có bị thu hẹp ($2.7120 - 2.3800 = 3.320\text{m}^2$). Khu di tích Văn Miếu thời Nguyễn còn được thể hiện trong bản đồ Hà Nội năm 1873 (do Sở địa chất Đông Dương in lại năm 1916), bản đồ tỉnh Hà Nội trong *Đông Khánh địa dư chí lược*, 1886-1888) và bản đồ năm 1890 thời Pháp thuộc. Đó là di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám đời Nguyễn, còn trước đó vào đời Lê thì khu đại học này còn rộng lớn hơn nhiều mà dấu tích còn ít nhiều đọng lại trong những tên đất của địa bạ như Học Xá, Minh Giám, Cổ Giám, Văn Chương, Hậu Giám, Hữu Giám, Hữu Biên Giám... và được phản ánh trong bản đồ thành Đông Kinh của tập Bản đồ Hồng Đức.

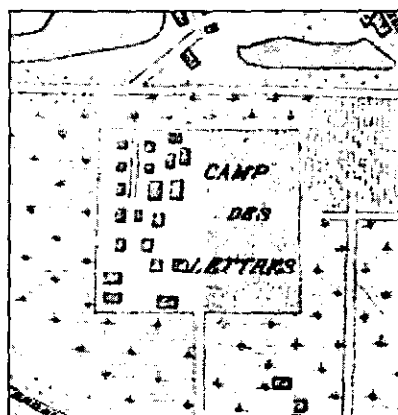
2. Trường Thi

Trường Thi được nhắc tới ở đây là Trường Thi Hương thời Nguyễn chứ không phải Trường Thi Hội thời Lê. Dấu tích của Trường Thi này còn lưu lại ở tên gọi phố Tràng Thi, thuộc quận Hoàn Kiếm.

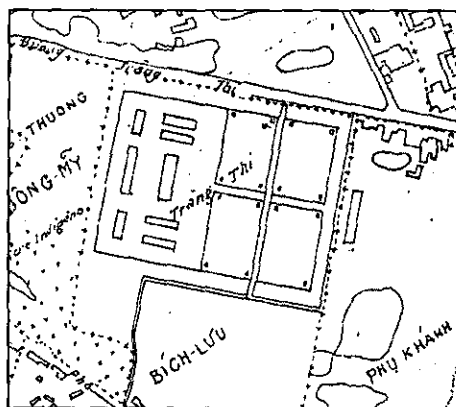
Đời Nguyễn, khi kinh đô dời vào Phú Xuân, Thăng Long trở thành trị sở của Bắc Thành, rồi tỉnh thành Hà Nội. Trường Thi của Hà Nội lúc đó là trường thi Hương không chỉ còn dành cho các thí sinh Hà Nội nữa mà cho cả 10 tỉnh của Bắc Hà (Bắc Ninh, Cao Bằng, Hà Nội, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Ninh Bình, Sơn Tây, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang). Trường Thi này chia làm hai khu chính: một khu dành cho các khảo quan (những người chấm thi) và một khu dành cho sĩ tử (thí sinh). Khu khảo quan có 21 toà nhà xây gạch, còn khu của sĩ tử là một bãi



Văn Thị trường (Bản đồ Hà Nội 1873)



Trường Thi (Bản đồ Hà Nội 1883)



Trường Thi (Bản đồ Hà Nội 1885)

trống, chia thành 4 vi (mỗi vi dành cho thí sinh một vài tỉnh). Trong các vi này thí sinh phải tự dựng lều che mưa nắng và đem chõng vào để ngồi làm bài thi. Vì đây là những kỳ thi Hương, 3 năm mới tiến hành một lần nên vào thời gian rảnh rỗi giữa các kỳ thi, khu đất dành cho các vi lại được dân sở tại tranh thủ trồng cấy hoa màu.

Khi đánh chiếm Hà Nội lần thứ nhất năm 1873, quân Pháp đã từng đóng quân tại Trường Thi này. Đến năm 1882, khi đánh chiếm Hà Nội lần thứ hai, quân Pháp chiếm được hẳn thành phố. Kỳ thi Hương cuối cùng được tổ chức ở Trường Thi là vào năm 1879. Từ 1886 trở đi thí sinh toàn Bắc Kỳ phải tập trung thi tại Nam Định. Cũng năm 1886, Pháp cho xây Nha kinh lược Bắc Kỳ tại khu vực Trường Thi. Đến 1897, chúng bãi bỏ Nha kinh lược và nơi đây trở thành trụ sở Phòng Thương mại và Canh nông Bắc Kỳ. Năm 1919, trụ sở này lại được chuyển đi nơi khác và cho lập tại đây Thư viện Trung ương của Đông Dương. Sau giải phóng Thủ đô, ngày 27 tháng 7 năm 1957, Chính phủ cho phép thư viện đó chính thức mang tên là Thư viện quốc gia Việt Nam.

Ngày nay, chẳng còn chút dấu tích gì của Trường Thi khi xưa ngoài phố mang tên Tràng Thi. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, năm Thiệu Trị thứ 5 (1845): "Trường Thi Hà Nội... xung quanh xây tường gạch, chu vi 182 trượng 1 thước, bên trong gồm 21 tòa đường viện" (10). Mỗi trượng là 4,2 m, vậy chu vi của Trường Thi là 765,4m.

Còn theo địa bạ thôn Bích Hoa, tổng Vinh Xương, huyện Thọ Xương (lập năm Minh Mệnh thứ 18 (1837) ghi rất rõ khu vực đất của Trường Thi được xếp vào loại công thổ (công thổ Trường Thi), là loại đất công, với diện tích 20.3.04.3.6 (11), tức

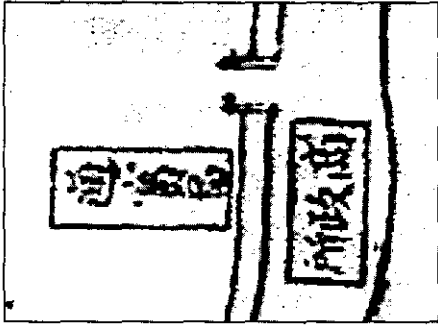
7,3176 ha. Trên bản đồ phủ Hoài Đức trong *Đồng Khánh địa dư chí lược* có vị trí Trường Thi với một ô hình chữ nhật bên trong ghi rõ "thí trường". Đặc biệt, trong một bản đồ cổ còn lưu giữ ở Trung tâm Lưu trữ của Viện Kiến trúc Pháp, vẽ vào năm 1885, thể hiện rất rõ vị trí của khu vực Trường Thi này (12). Trên bản đồ này, Trường Thi là một khu đất hình chữ nhật vuông vắn, nằm sát bên đường Tràng Thi, trong đó có phân chia địa phận: 4 vi ở phía Đông, giáp Phụ Khánh và khu nhà các khảo quan gồm 8 dãy nhà ở về phía Tây giáp Đông Mỹ.

Theo ghi chép của André Masson, Trường Thi nằm ở phía Đông Nam của Thành Hà Nội, có kích thước khoảng 150 x 200m, chiếm khu vực giới hạn bởi các phố Tràng Thi ở phía Bắc, Dã Tượng ở phía Tây, Quang Trung ở phía đông và phía Nam là con đường thẳng chạy từ Trường Mỹ thuật ứng dụng tới Tòa án (13). Có thể hình dung về Trường Thi này một cách đầy đủ hơn thông trong sơ đồ vẽ vào năm 1875 của André Masson (14).

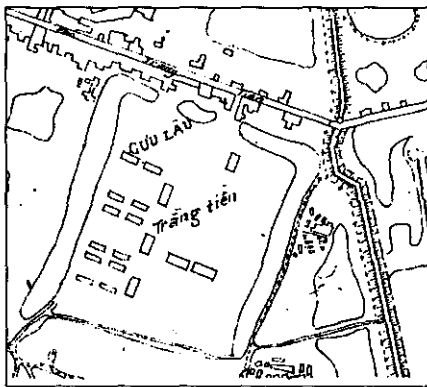
3. Bảo Tuyền Cục

Bảo Tuyền Cục hay Thông Bảo cục là tên gọi chữ Hán của Cục đúc tiền. Theo *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, năm Gia Long thứ 2 (1803), đã cho đặt Trường Đúc Tiền tại Bắc Thành. Cũng theo sách này, đến năm 1813 thì "định lập Trường Đúc Tiền ở hồ Thủy Quân cũ trong cửa ô Tây Long, Bắc Thành, xung quanh dựng hàng rào kín, ngoài hào đào sáu, chỉ mở 2 cửa, cất lính canh giữ xét hỏi" (15). Bản đồ phủ Hoài Đức trong *Đồng Khánh địa dư chí lược* có ghi "Thông Bảo Cục" với một ô hình chữ nhật. Trong bản đồ Hà Nội năm 1885 đã dẫn ở trên thấy rất rõ Bảo Tuyền Cục là một khu đất hình chữ nhật, tương

đối vuông vắn, thuộc địa phận thôn Cựu Lâu. Cũng theo bản đồ này, xung quanh Trường Đúc Tiên có hào, riêng hào phía Nam bị san bằng làm đường và hào phía Bắc bị ngắt để mở 2 cửa, đúng như miêu tả của *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*.



Thông Bảo cục (Bản đồ Đồng Khánh)



Trường Tiên (Bản đồ 1885)

Miêu tả này cũng hợp với thông tin ghi trong địa bạ thôn Cựu Lâu về giáp giới của khu đất Xưởng đúc tiền Cục bảo tuyền có 3 mặt giáp ao, hào (16); duy mặt Bắc giáp quan lộ cùng ao, hào. Trong Trường Đúc Tiên có nhiều kiến trúc, tập trung chủ yếu ở phía Tây, có lẽ là những nhà xưởng và kho. Nếu hình dung trên bản đồ hiện nay thì Trường Đúc Tiên này nằm trên một khu đất khá rộng, góc phía Đông Bắc ra đến sát bờ đê tục đường Trần Quang Khải, khoảng Bảo tàng Lịch sử - Nhà hát lớn, phía Tây đến khoảng phố Ngô Quyền, phía Bắc giáp

với phố Tràng Tiền (phố này mang tên Tràng Tiền vì chính nơi đây có xưởng đúc tiền; Tràng cũng có âm là Trường). Cũng năm Gia Long thứ 12 (1813) chuẩn y cho "quan tổng trấn Bắc Thành kiêm lĩnh việc Giám đốc Cục Bảo Tuyền" (17). Đến năm Minh Mệnh thứ nhất (1820) cho đặt thêm Bảo Hóa Kinh Cục (Cục đúc tiền ở kinh) ở kinh đô Huế nhưng Cục đúc tiền ở Bắc Thành vẫn cùng tồn tại. Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) lại đổi tên Cục Bảo tuyền Bắc Thành là Cục Thông bảo (18). Đến năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) Phó lãnh binh Hà Nội là Trần Dật kiêm cả việc cai quản Cục Thông bảo (19). Trường đúc tiền này tồn tại đến năm 1887 thì bị bãi bỏ. Chính quyền thực dân đã đem chia đất này cho tư nhân xây cửa hàng, cửa hiệu.

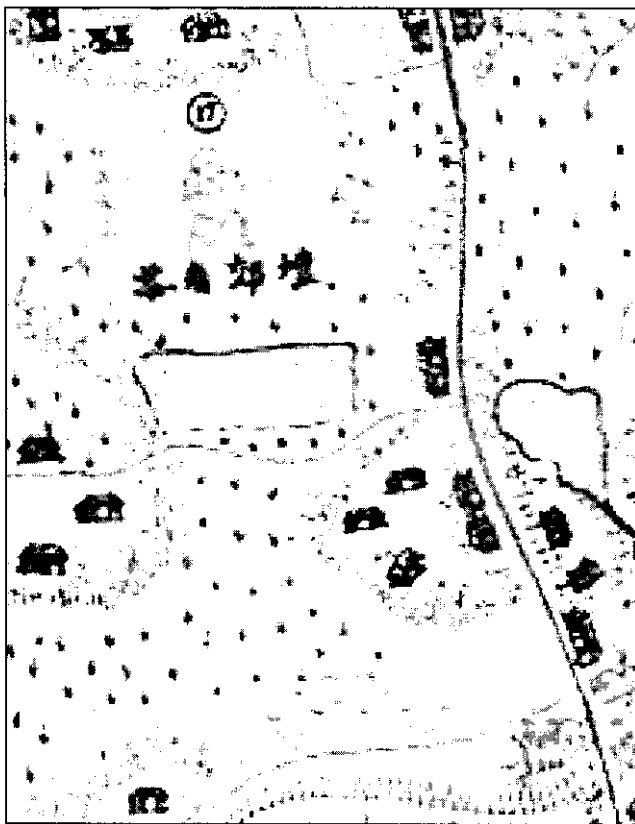
Như vậy, Trường đúc tiền xuất hiện vào đầu thế kỷ XIX và tồn tại gần 80 năm nhưng rất tiếc đến nay không còn dấu vết gì. Tuy nhiên, qua những thông tin từ sử liệu có thể hình dung được phần nào vị trí cũng như diện mạo của di tích lịch sử này. Qua *Địa bạ cổ Hà Nội*, có thể xác định rõ thêm Trường đúc tiền này thuộc địa phận thôn Cựu Lâu, tổng Đông Thọ, huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội. Trong địa bạ thôn Cựu Lâu (lập năm Minh Mệnh 18 (1837) ghi rất rõ có một khu đất với diện tích 18 mẫu, 7 sào, 14 thước là đất xưởng đúc tiền Cục Bảo tuyền. Địa bạ này còn ghi thêm đất làm đường hào, ao xưởng đúc tiền là 2 mẫu, 5 sào, 06 thước (20). Vậy, Trường đúc tiền nếu tính cả phần hào, ao bao quanh rộng tới $(18.7.14.0.0 + 02.5.06.0.0 = 21$ mẫu, 3 sào, 05 thước, tương đương 7,68 ha).

4. Đàn Nam Giao

Đàn Nam Giao là nơi hàng năm nhà vua đích thân đến đó để tế trời đất. Đàn này được xây dựng vào đời Lý ở phía Nam tỉnh thành, thuộc huyện Thọ Xương. Các triều

vua Lý, Trần đều làm lễ tế trời đất tại đây. Nhà Lê Quang Thuận (1460 -1463) sửa lại, chính diện ba gian, hai dãy nhà Đông, Tây, mỗi dãy 7 gian, có nơi thay quần áo, nhà

tiên miếu" (21). Tiếc rằng đến đời Gia Long đã phá đàn đi lấy gạch xây thành, chỉ còn đền chính ở phường Thịnh Yên, nhưng đến năm Tự Đức thứ 11 cũng bị hỏa tai nốt (22).



Đàn Nam Giao trên bản đồ Hà Nội 1873

bếp, kho đựng đồ tế, trong ngoài có tường bao quanh và 3 gian nghi môn. Đời Lê Quang Hưng (1578 - 1599) dựng thêm điện Chiêu Sự, đời Cảnh Trị (1663-1664) sửa lại. Triều thần Hồ Sĩ Dương soạn văn bia. Trong *Thăng Long cổ tích khảo* miêu tả cụ thể hơn về diện mạo cũng như chức năng của Đàn Nam Giao "... chu vi ước chừng 10 trượng, cao 1 thước, có đàn bằng gạch nhưng không có miếu, dùng làm nơi tế cáo trời đất. Hàng năm vào ngày mồng một tháng Giêng vua đích thân đến đàn làm lễ và cảm tạ trời đất rồi trở về cung bái yết

Vậy đến năm Tự Đức thứ 11 thì Đàn Nam Giao đã bị mất hết dấu vết. Tuy nhiên, trong địa bạ thôn Thịnh Yên thuộc tổng Kim Hoa, huyện Thọ Xương lập năm Minh Mệnh 18 (1837) vẫn có một loại đất được ghi rõ "nguyên là nền đất điện Nam Giao" với diện tích là 12 thước, 8 tấc (23), tức là 308m². Bên cạnh đó, cũng trong địa bạ thôn Thịnh Yên còn có hai hồ thông nhau, với diện tích 4 mẫu và được chua là "xưa là hồ điện Nam Giao". Hồ này nằm ngay kề điện Nam Giao (có một phía giáp điện) (24).

Tóm lại, mặc dù không còn dấu vết nhưng qua những tư liệu trên chúng ta cũng phần nào hình dung được một cách khá rõ về vị trí và diện mạo của Đàn Nam Giao: đàn nằm ở phía Nam tỉnh thành, thuộc địa phận thôn Thịnh Yên, huyện Thọ Xương, với chu vi 10 trượng (khoảng 42m), cao 1 thước (0,42m), trên một khu đất rộng 308m².

Nền cũ của đàn Nam Giao được xác định là ở trong khu vực Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, phố Mai Hắc Đế, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Khu đất này hiện nay chính là nền của Vicom Tower (191 Bà Triệu, Hà Nội).

5. Đàn Xã tắc

Thời phong kiến nhà vua lập ra đàn xã, đàn tấc. Đàn xã để vua tế thần đất (thổ thần), đàn tấc đó vua tế thần lúa (cốc thần).

Ở Hà Nội còn cả dấu vết của Đàn Xã Tắc thời Lý và thời Nguyễn.

Đàn Xã Tắc thời Lý

Về Đàn Xã tắc thời Lý trong một số thư tịch cổ cũ chép: "Lập Xã Đàn (đàn Xã Tắc) ở ngoài cửa Trường Quảng để làm nơi bốn mùa cúng tế, cầu được mùa" (25). Đàn được đắp từ năm Thiên Cảm Thánh Vũ thứ 5 (1048).

Đàn đã bị đổ nát từ thế kỷ XVI, trong một trận mưa bão lớn "Có trận mưa bão rất dữ, mà tại kinh đô càng mạnh hơn, từ cung điện trong triều đến giao đàn Thái Miếu, Văn Miếu và đàn Xã Tắc, cả đến nhà cửa cùng dinh thự, thảy đều đổ nát gần hết" (26). Vì vậy, đến thế kỷ XIX mặc dù trong *Đại Nam nhất thống chí* cho biết Đàn Xã Tắc thời Lý thuộc địa phận huyện Vĩnh Thuận, còn nền cũ ở thôn Thịnh Hào, nhưng trong địa bạ phường Thịnh Hào thuộc tổng Hạ, huyện Vĩnh Thuận lập vào năm Minh Mệnh thứ 18 (1837) không tìm thấy thông tin gì về di tích văn hóa cổ này. Tuy nhiên, trong 7 địa bạ cổ Hà Nội ở khu vực xung quanh phường Thịnh Hào (27), tên gọi Xã Đàn vẫn còn được nhắc tới nhiều lần. Đã là địa danh phường hoặc thôn Xã Đàn, vùng đất vốn có Đàn Xã Tắc, chứ không phải chính Đàn Xã Tắc.

Dấu tích của Đàn Xã tắc thời Lý nay được xác định là thuộc khu vực làng Xã Đàn, gần đình Nam Đồng, quận Đống Đa (28).

Đàn Xã Tắc thời Nguyễn

Bên cạnh những dấu tích còn lại của Đàn Xã Tắc thời Lý, ở Hà Nội còn vết tích Đàn Xã Tắc thời Nguyễn. Theo mô tả trong địa bạ thôn Khán Xuân thuộc tổng Yên Thành, huyện Vĩnh Thuận lập năm Minh Mệnh thứ 18 (1837), có một khu đất với diện tích 3 mẫu, 5 tấc được ghi là đất đàn Xã Tắc. Khu đất này phía Đông giáp đường nhỏ bản thôn; Tây, Nam cùng giáp công thổ xứ Vụ Nông bản thôn; Bắc giáp đường nhỏ.

Trong sách *Đại Nam nhất thống chí* lại ghi chép về Đàn Xã tắc này như sau: ở phía Tây tỉnh thành, đắp năm Minh Mệnh thứ 20" (29).

Qua hai nguồn tư liệu trên, có thể hiểu rằng nền đất Đàn Xã tắc đã được xác định ít nhất từ năm 1837, nhưng tới năm 1839 (Minh Mệnh thứ 20) thì mới chính thức đắp đàn.

Khác với "Xã Đàn" địa danh Xã Tắc chỉ được nhắc tới duy nhất trong địa bạ thôn Khán Xuân với tên gọi rất rõ là đất đàn Xã tắc.

Mặc dù được xây dựng sau đàn Xã Tắc thời Lý gần 8 thế kỷ song nay đàn Xã Tắc thời Nguyễn không còn dấu tích gì.

CHÚ THÍCH

(1). *Đại Nam nhất thống chí*. Bản dịch. Tập III. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 196.

(2). *Đại Việt sử ký toàn thư*. Quyển III, tr. 10a. Bản dịch. Nxb. KHXH, Tập I, Hà Nội, 1993, tr. 280; *Di tích lịch sử - văn hoá Việt Nam*. Bảng tra cứu các tài liệu thư tịch Hán Nôm. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Nxb.KHXH, Hà Nội, 1994, tr. 739.

(3). *Đại Việt sử ký toàn thư*. Quyển III, tr. 10a. Bản dịch. Sdd, tập I, tr. 491.

(4). Ngô Đức Thọ (Chủ biên). *Văn Miếu Quốc Tử Giám và 82 bia tiến sĩ*. Hà Nội, 2002, tr. 77.

(5). Ở đây chúng tôi quy đổi theo đơn vị đo diện tích của Bắc Bộ: 1 mẫu = 3.600m², 1 sào = 360m², 1 thước = 24 m².

(6). Phan Huy Lê (Chủ biên). *Địa bạ cổ Hà Nội*. Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2005, tr. 482-483.

(7). Doãn Kế Thiện. *Cổ tích và danh thắng Hà Nội*. Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1959.

- (8), (9), (11), (16), (20). Phan Huy Lê (Chủ biên). *Địa bạ cổ Hà Nội*. Sdd, tr. 480, 468, 388, 60, 60.
- (10). *Đại Nam nhất thống chí*. Bản dịch. Tập III. Sdd, tr. 168.
- (12). Bản đồ này do PGS.TS. Philippe Papin, đại diện Trung tâm Viễn Đông Bác cổ Pháp cung cấp cho GS. Phan Huy Lê. Bản đồ ghi rõ niên đại 1885 và lưu giữ tại Centre d'archives de l'I.F.A.
- (13). André Masson. *Hà Nội giai đoạn 1873-1888*. Nxb. Hải Phòng, 2003, tr. 21-22.
- (14). André Masson. *Hà Nội giai đoạn 1873-1888*. Sdd, ảnh 5.
- (15). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Tập 5. Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 12.
- (17), (18), (19). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Tập 5. Sdd, tr. 13, 19, 21.
- (21). *Thăng Long cổ tích khảo*. Bản chữ Hán, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.1820.
- (22), (29). *Đại Nam nhất thống chí*. Bản dịch. Tập III. Sdd, tr. 184, 195.
- (23), (24). Phan Huy Lê (Chủ biên). *Địa bạ cổ Hà Nội*. Sdd, tr. 206, 202.
- (25). *Việt sử lược*. Nxb. Thuận Hóa, Trung tâm Ngôn ngữ Đông Tây, 2005, tr. 86.
- (26). Lê Quý Đôn toàn tập, tập 3. *Đại Việt thông sử*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 329.
- (27). 7 thôn (phường) hoặc trại có địa danh Xã Đàn là:
1. Thôn Trung Tự, tổng Kim Hoa, huyện Thọ Xương.
 2. Thôn Thổ Quan, tổng Yên Hòa, huyện Thọ Xương.
 3. Thôn Xã Đàn, tổng Yên Hòa, huyện Thọ Xương.
 4. Trại Nam Đồng, tổng Hạ, huyện Quảng Đức.
 5. Phường Quan Trạm, tổng Hạ, huyện Quảng Đức.
 6. Phường Thịnh Hào, tổng Hạ, huyện Vinh Thuận.
 7. Phường Xã Đàn, khu Tả Nghiêm, huyện Thọ Xương, phủ Phụng Thiên (Phụ lục).
- (28). Trần Quốc Vượng (Chủ biên). *Hà Nội - Thủ đô nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 42.

